

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20/2/2019

"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chát và ông Nguyễn Huy Hiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà- Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 14/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Kim Thành bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐXXPT ngày 17 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa 05/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1954; nơi ĐKKHKT: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Số 6 ngõ 219, đường TQT, khu 3, phường HH, TP. MC, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị H** (Tên gọi khác: Trần Ngọc H), sinh năm 1960; địa chỉ nơi cư trú: Thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

**Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CL, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/10/1980. Sau ngày kết hôn, vợ chồng chung sống tại Nông trường chè CL khoảng một vài tháng thì chuyển về xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1985 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bà H không chung thủy, tuy nhiên do thời gian đã lâu, ông không có căn cứ gì

cung cấp cho Tòa. Lúc đó vì con cái còn nhỏ nên ông phải nhịn. Bắt đầu từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm, bà H nhiều lần xúc phạm ông, làm cho vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, xa cách. Mâu thuẫn của ông bà, gia đình biết và cũng đã hòa giải, nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Về mặt tình cảm, ông ly thân bà từ đó, mặc dù vẫn sống chung nhà. Năm 2016, ông bị tai biến, bà H không chăm sóc gì, mà còn kể lể, xúc phạm ông. Sau khi đỡ bệnh, bà H liên tục chửi bới, nhảm nhí xúc phạm ông và những tháng gần đây bà khóa trái cửa, không cho ông vào nhà, ông đã phải mượn thợ phá khóa cửa mới vào được nhà. Vì tuổi đã cao, khi ở nhà thì bị bà H chửi bới dẫn đến tâm trạng căng thẳng, nên ông phải ra MC, Quảng Ninh ở chơi với anh chị em ông ngoài đó cho khuây khỏa và cứ đầu tháng ông lại về thắp hương các cụ rồi lại đi chứ không ở nhà nữa. Nhiều năm qua ông đã kiềm chế để ổn định gia đình, nhưng bà H ngày càng quá đáng, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

* Bị đơn là bà Trần Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về điều kiện kết hôn như ông D trình bày là đúng. Về tình trạng hôn nhân bà xác định, sau khi kết hôn một thời gian dài, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn xích mích gì, khi đó bà làm công nhân giao thông, ông D ở nhà kinh doanh. Đến khi kinh tế gia đình có khá hơn thì ông D không chung thủy, thường xuyên đi khỏi nhà, mâu thuẫn này là do ông D tự gây lên, tự bỏ nhà đi sinh sống nơi khác. Tuy nhiên, ông vẫn thỉnh thoảng về nhà. Giữa hai ông bà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Không có việc bà khóa trái cửa, không cho ông vào nhà. Khi ông D bị tai biến, bà vẫn quan tâm, chăm sóc ông và không có việc xúc phạm như ông D trình bày. Bà luôn cố gắng làm việc vun vén cho kinh tế gia đình, nên hiện nay bà vẫn cùng các con kinh doanh xăng dầu. Lời khai của những người làm chứng đã xác nhận cho bà nội dung này. Nay bà H xác định vẫn còn tình cảm với ông D, vợ chồng tuổi đã cao nên bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung : Ông D, bà H đều trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985. Các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, không sống chung cùng vợ chồng ông bà, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông D, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 14/11/2018, TAND huyện Kim Thành đã căn cứ: Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình ; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D; Xử cho ông Nguyễn Tiến D ly hôn bà Trần Thị H. Ngoài ra, bản án còn xử lý về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2018, bà H kháng cáo không đồng ý ly hôn. Đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông D, để vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin đoàn tụ, đồng thời đưa ra giải pháp, bà sẽ bỏ qua tất cả mọi chuyện để vợ chồng đoàn tụ, chung sống hạnh phúc.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về hướng giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà H không có căn cứ chấp nhận vì tình trạng vợ chồng bà H, ông D mâu thuẫn đã trầm trọng. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bà H trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên là kháng cáo hợp lệ.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông D theo Điều 228 BLTTDS.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bà H thì thấy:

Ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện CL, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/10/1980 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mặc dù kinh tế khó khăn nhưng vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau vun vén phát triển kinh tế gia đình. Nguyên nhân ông D xin ly hôn bà H do cũng có những mâu thuẫn phát sinh do sự nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau và sự không bằng lòng với nhau trong xử sự sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có hành vi ngược đãi, đánh đập, hành hạ, dẫn đến việc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, theo xác minh tại các ban ngành, đoàn thể, và người làm chứng đều xác định không thấy vợ chồng ông D, bà H có xô sát, mâu thuẫn, ông bà

đều sống tốt, không có điều tiếng gì và có ý kiến đề nghị Tòa án tạo điều kiện để cho ông D, bà H đoàn tụ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đưa ra giải pháp sẽ bỏ qua tất cả những chuyện cũ, để cùng ông D xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng vợ chồng ông D, bà H có mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, có thể khắc phục được, chưa đủ căn cứ ly hôn theo Điều 56 Luật HNGĐ. Mặt khác, ông D, bà H tuổi đã cao, con cái đã trưởng thành, cần tạo điều kiện, cơ hội để ông D, bà H đoàn tụ, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình, nên cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Bà H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4]. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về con chung.

[5]. Về tài sản chung: Nguyên, bị đơn không yêu cầu giải quyết.

[6]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H (tên gọi khác là Trần Ngọc H); Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 14/11/2018 của TAND huyện Kim Thành, Hải Dương.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D xin ly hôn bà Trần Thị H (Tên gọi khác Trần Ngọc H)

- Về án phí: Bà H không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Trả lại cho bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003781 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

(20/02/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA DS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Yên